

Số: **81/2020/QĐST-HNGĐ**

Thị xã Phú Thọ, ngày 10 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Kiều H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 4, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 4, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 03 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Kiều H và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Kiều H và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Xác nhận anh Nguyễn Kiều H và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 15/6/2009 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/10/2012.

Chị H được trực tiếp được nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Đức T, và cháu

Nguyễn Ngọc A cho đến khi các cháu thành niên.

Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000 đồng/con/tháng (Hai triệu đồng/con/tháng)(02 con là 4.000.000đ/tháng). Kể từ tháng 9/2020 cho đến khi 02 cháu thành niên, lao động tự túc được.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Kiều H và chị Nguyễn Thị H xác nhận có tài sản chung là: 01 căn nhà ống 2 tầng diện tích 120^m x xây cuối năm 2019; 01 căn nhà ống diện tích 80m² xây cuối năm 2010; 01 dãy nhà trọ xây cuối năm 2017.

Khi ly hôn anh H, chị H chưa đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4- Về công nợ: Anh Nguyễn Kiều H và chị Nguyễn Thị H xác nhận có nợ 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Khi ly hôn anh H, chị H chưa đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5- Về công sức: Anh Nguyễn Kiều H và chị Nguyễn Thị H xác định xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6- Về án phí: Anh Nguyễn Kiều H tự nguyện nộp cả 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002485 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. (Xác nhận anh H đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thúy